

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Quyền Lương

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 985/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị Anh N, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: 31A Khu 1, Ấp 2, phường AH, thành phố BH, tỉnh ĐN; Địa chỉ: 42A/1, khu phố Long Diêm, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

* ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn Anh H, sinh năm 1978; Địa chỉ: 14/4 khu phố 1, phường BL, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Anh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Đinh Thị Anh N) và ông Trần Văn Anh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã AH (nay là phường AH), thành phố BH, tỉnh ĐNai và được UBND phường AH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01, ngày 20/10/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông H ham mê đánh bạc, mượn tiền và mắc nợ bên ngoài xã hội, chủ nợ liên tục đến nhà tìm ông Hiếu để đòi nợ và gây áp lực cho tôi; vợ chồng tính tình không còn hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

không còn tin tưởng lẫn nhau, mặc dù hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Tôi và ông H sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và ông H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn Anh H.

- Về con chung: Tôi và ông Trần Văn Anh H có 01 con chung tên là Trần Đình Bảo T, sinh ngày 28/4/2012. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Văn Anh H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Văn Anh H không thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đình Thị Anh N về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đình Thị Anh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Anh H, sinh năm 1978; Địa chỉ: 14/4 khu phố 1, phường BL, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị đơn ông Trần Văn Anh H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Anh N và ông Trần Văn Anh H, chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường AH, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường AH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01, ngày 20/10/2010. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà N và ông H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Anh N kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Anh H, vì ông Hiếu ham mê đánh bạc, mượn tiền và mắc nợ bên ngoài xã hội, chủ nợ liên tục đến nhà tìm ông H để đòi nợ và gây áp lực cho bà, bà không thể chịu đựng được nữa; vợ chồng tính tình không còn hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng lẫn nhau, hàn gắn đoàn tụ gia đình không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, bà và ông H sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để bà N và ông H đoàn tụ nhưng ông H đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Theo biên bản xác minh ngày 12/5/2020 tại UBND phường BL có ghi nhận nội dung: “Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình từ năm 2010, có tổ chức đám cưới, có 01 con chung tên là Trần Đình Bảo T, sinh ngày 28/4/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột. Anh H và chị N đã sống ly thân được khoảng 03 năm nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T kể từ khi chị N và anh H sống ly thân”. Theo biên bản xác minh ngày 18/5/2020 tại Công an phường BL, thành phố BH có ghi nhận nội dung: “Đương sự Trần Văn Anh H, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 14/4 khu phố 1, phường BL, thành phố BH, tỉnh ĐN (Đứng tên chủ hộ là ông Trần Văn Anh T1) và hiện đang sinh sống tại địa chỉ thường trú trên”. Việc ông H không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Như đã phân tích trên, HĐXX xét thấy bà N và ông H đã ly thân khoảng 03 năm, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm nhau lẫn nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng từ cuối năm 2017 cho đến nay dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà N được ly hôn với ông Trần Văn Anh H.

- Về con chung: Tại phiên tòa, bà N yêu cầu HĐXX xem xét cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Đình Bảo T, sinh ngày 28/4/2012 vì cháu hiện đang sống chung với bà và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, theo bản khai có tại hồ sơ thì cháu Trần Đình Bảo T có nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột là bà Đinh Thị Anh N, ý chí của cháu T là tự nguyện nên ghi nhận. Bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T từ lúc bà và ông H chính thức sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, đồng thời bà N và ông H mỗi người ở một nơi, không còn sống chung một nhà từ khi ly thân cho đến nay. Bà N hiện là giáo viên Trường THCS HH – phường AH, thành phố BH, tỉnh ĐN, thu nhập ổn định và có nhà riêng tại địa chỉ: 42A/1, khu phố LĐ, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo kinh tế và chỗ ở cho con, cháu T được đi học tại Trường Tiểu học AH. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao cháu T cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Đinh Thị Anh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Anh N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Anh N được ly hôn với ông Trần Văn Anh H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Đình Bảo T, sinh ngày 28/4/2012 cho bà Đinh Thị Anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Trần Văn Anh H không phải cấp dưỡng cho con.

Ông H không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đinh Thị Anh Ngọc phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Ngọc đã nộp theo biên lai số 0008797 ngày 13/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn Anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường An Hòa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuấn